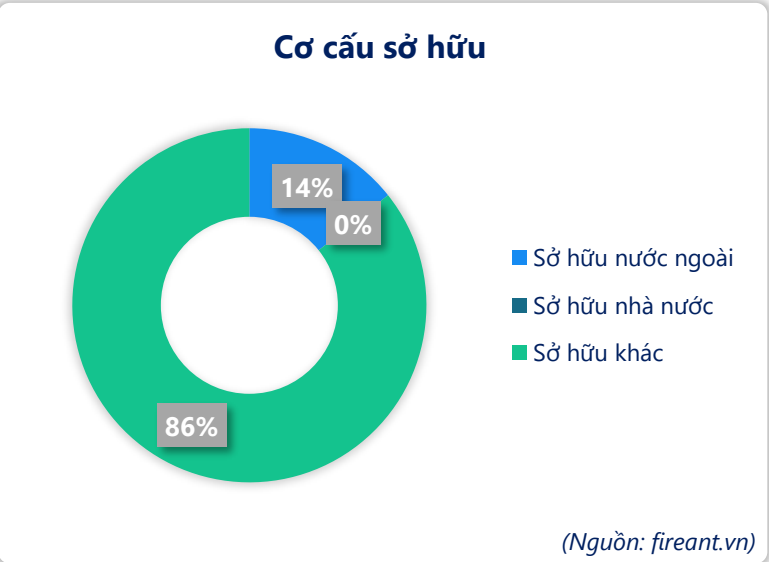
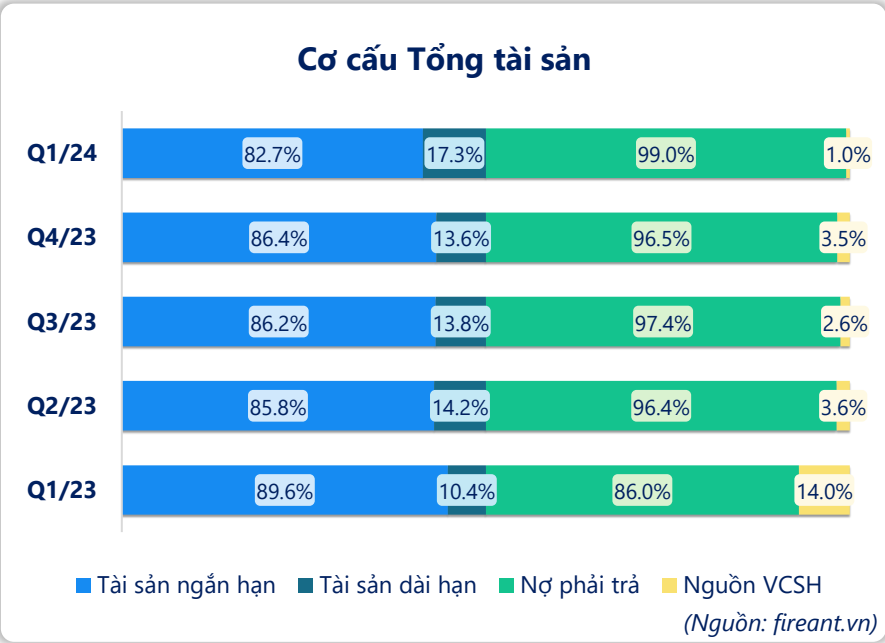
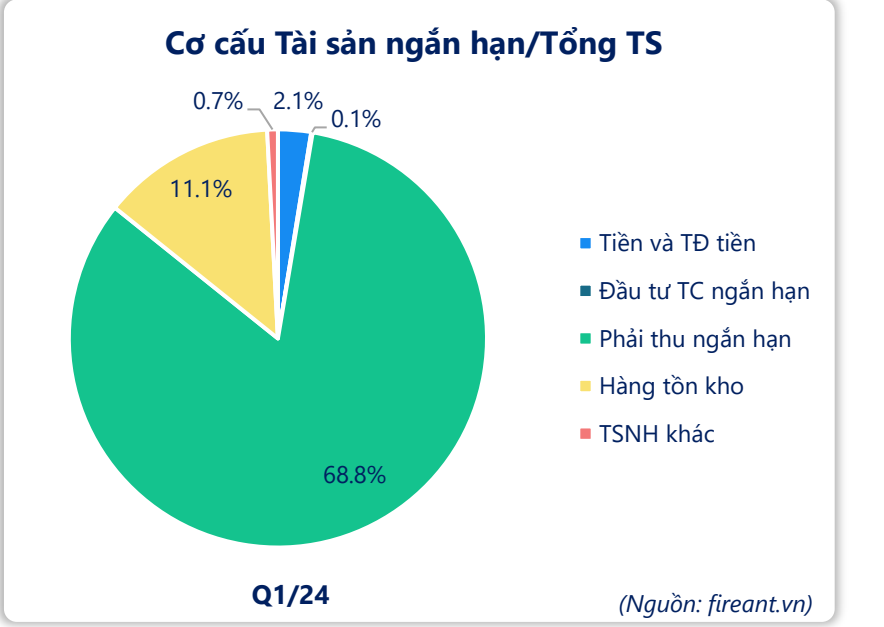
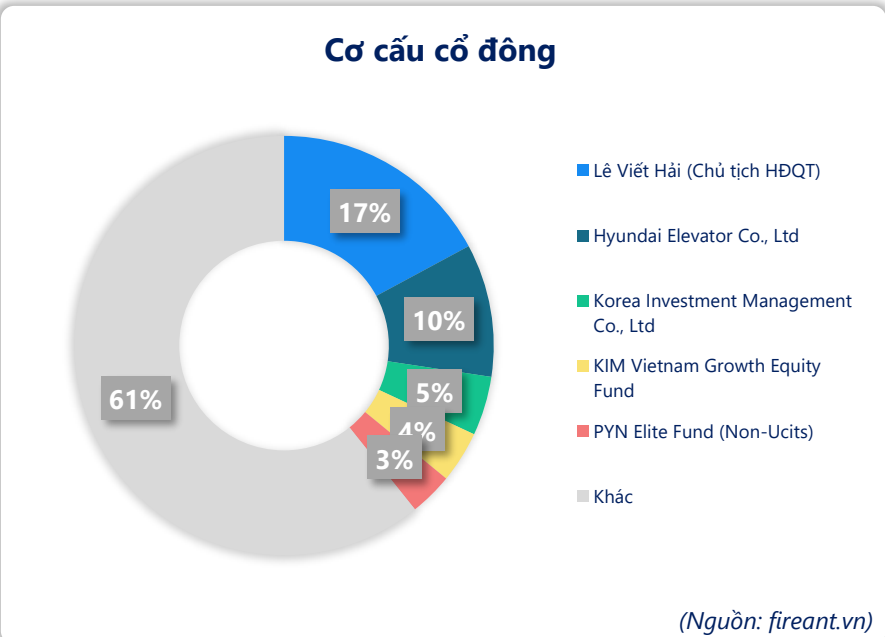
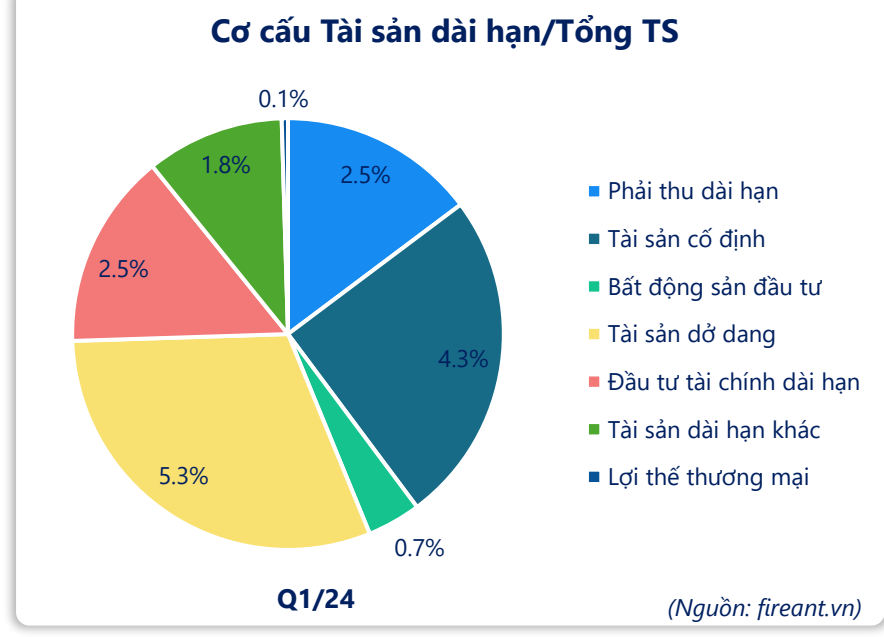
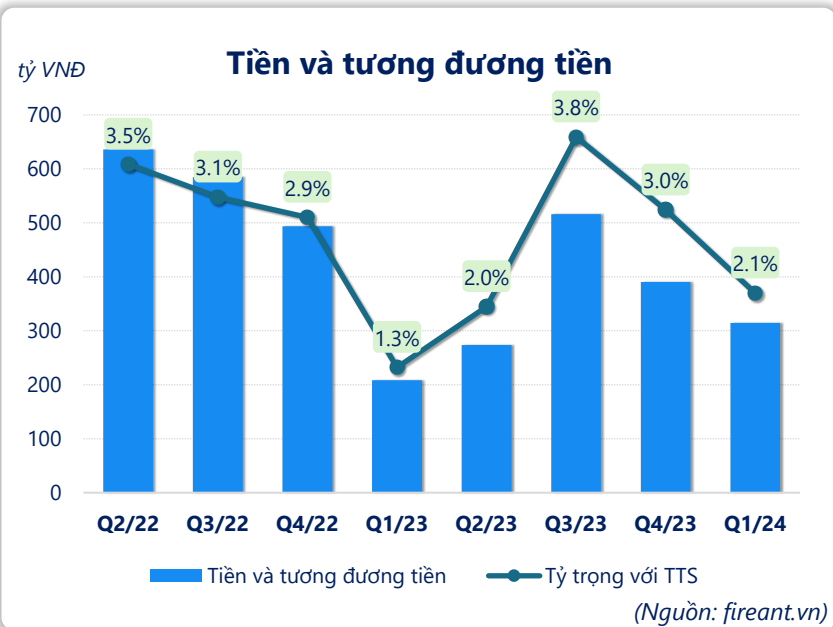
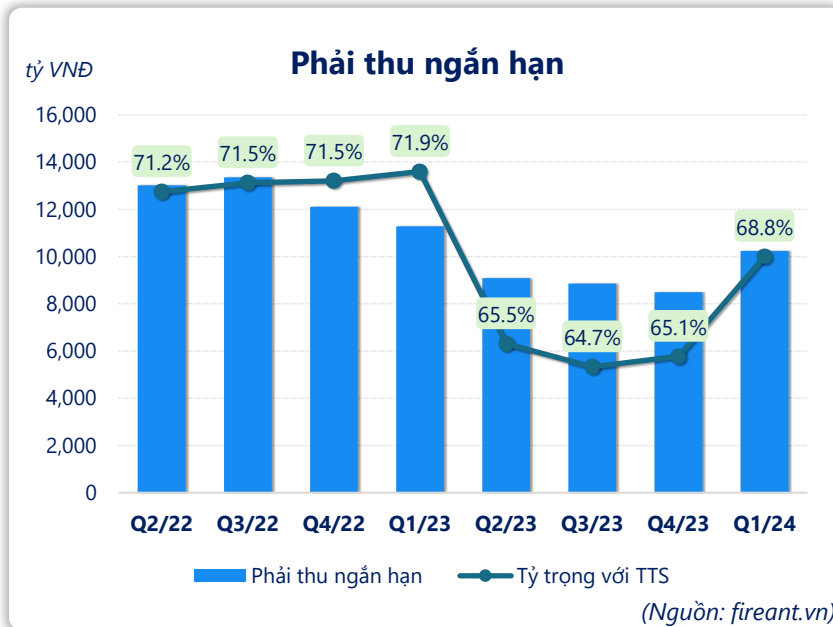
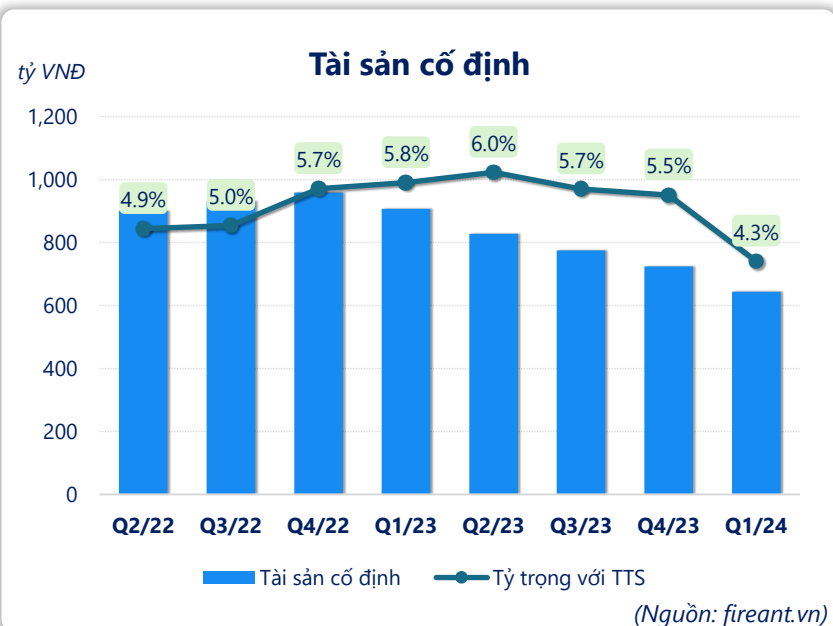
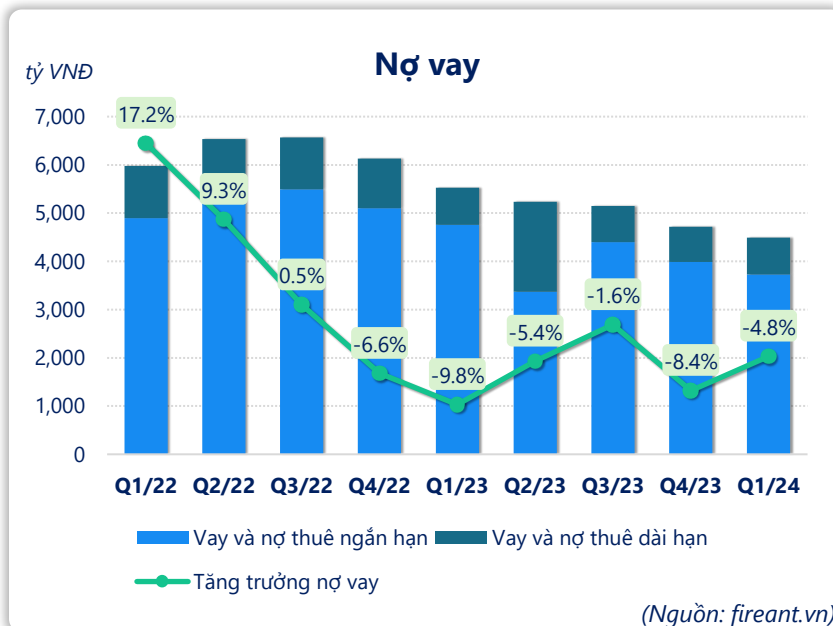
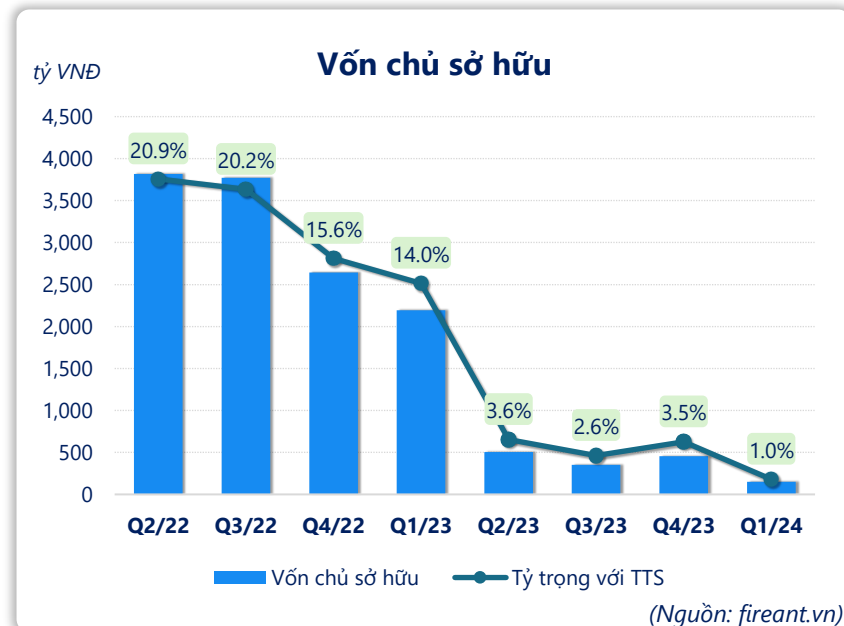
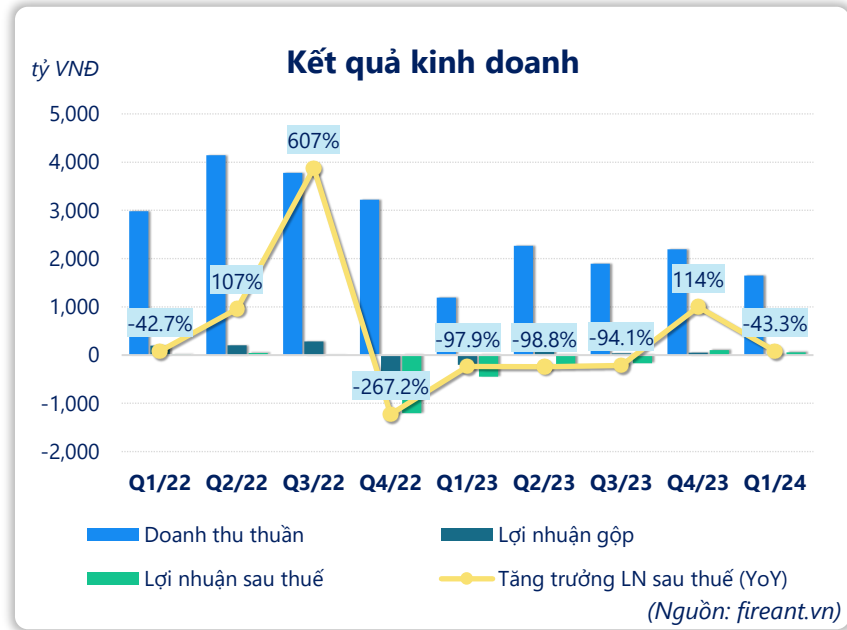
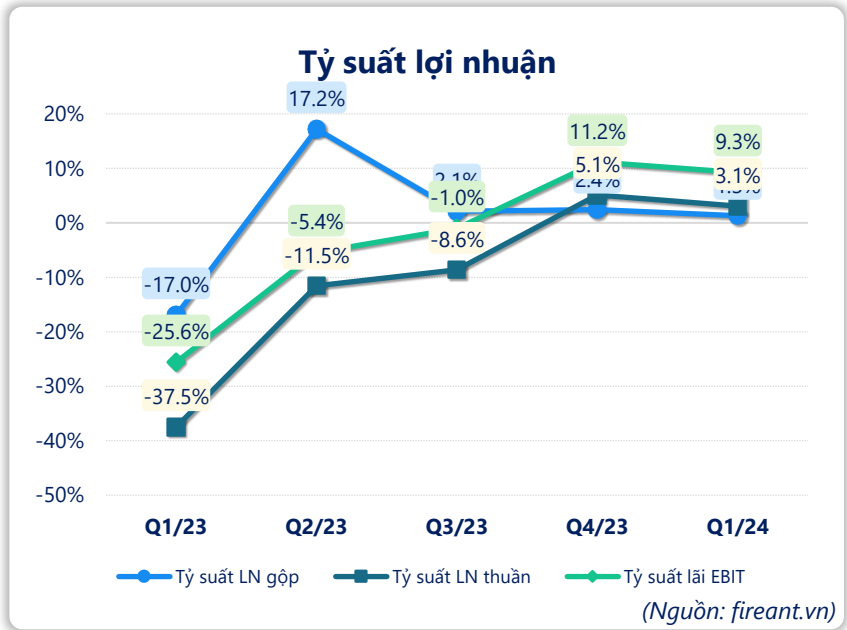
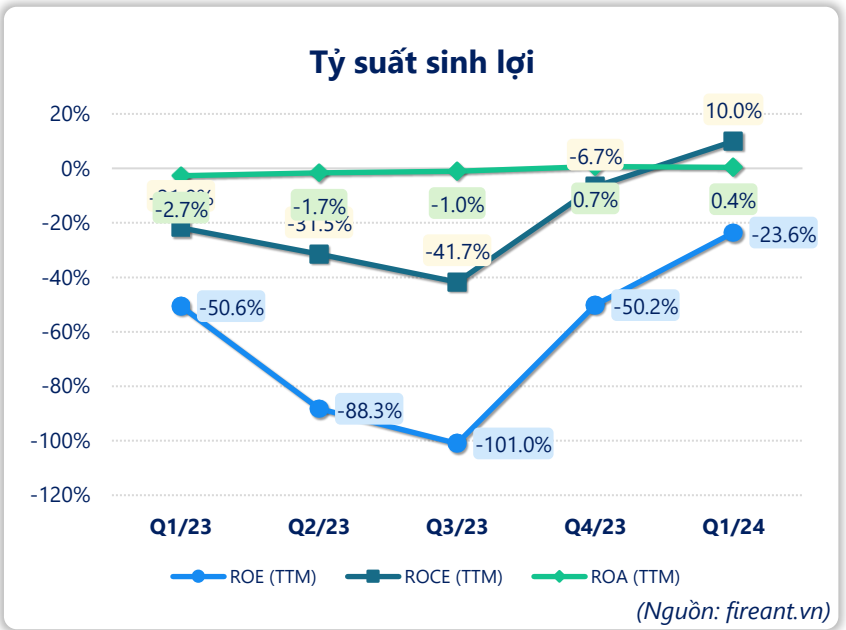
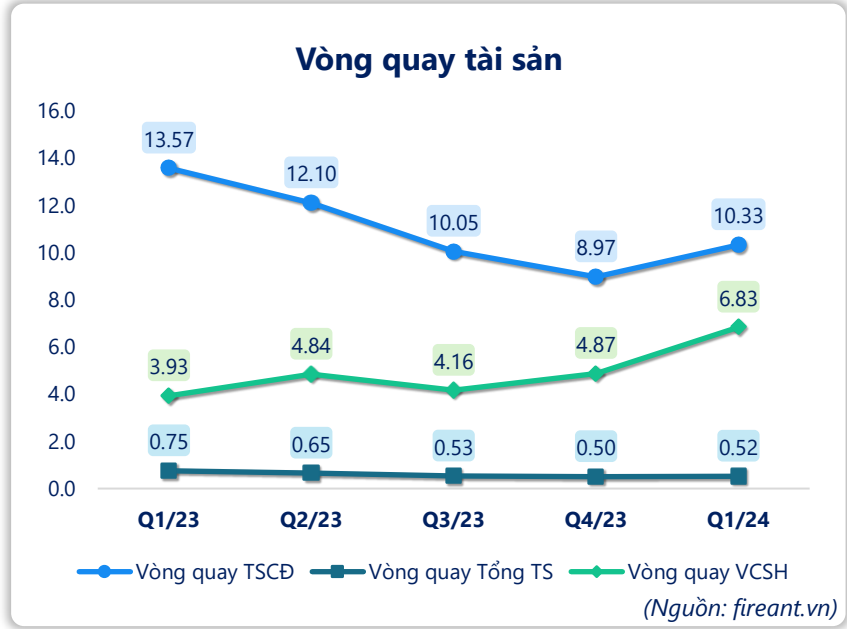
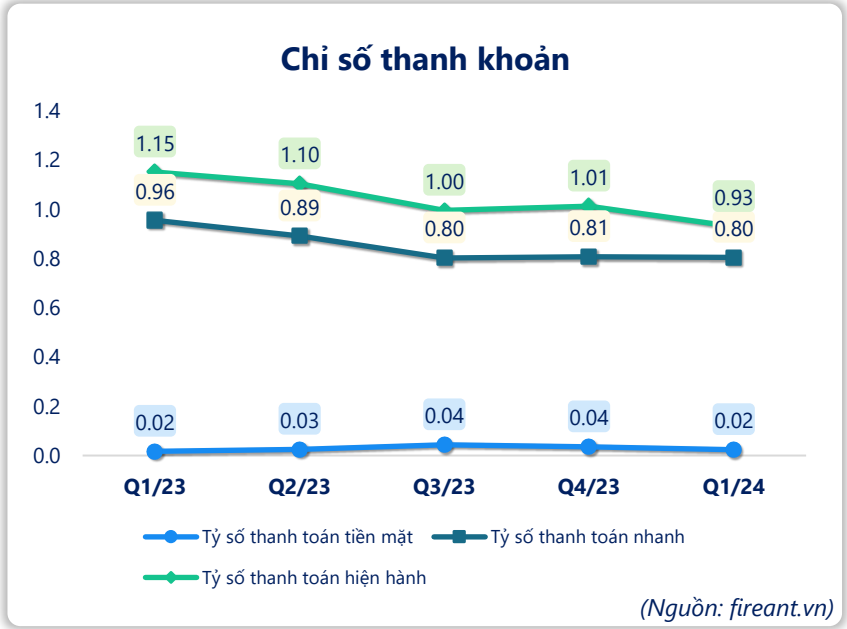
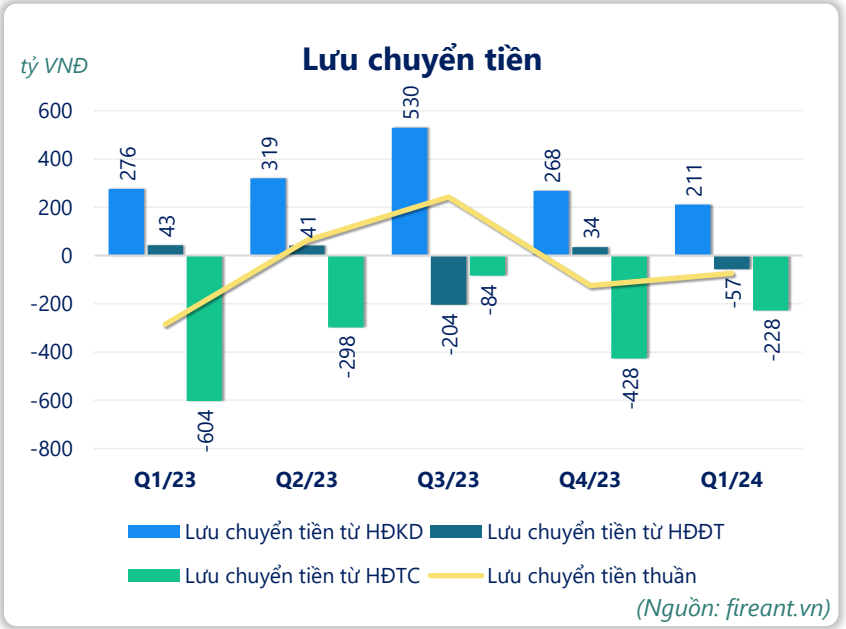


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		8,720
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,850
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,540
SL cổ phiếu LH		274,133,270
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,911,740
% sở hữu nước ngoài		14.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,390
P/E		-8.7
EPS		-1,007

	YTD	1T	3T	6T
HBC	10.9%	-1.6%	7.3%	6.6%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	14,892	15,250	-2.3%
Tài sản ngắn hạn	12,322	13,449	-8.4%
Tiền và tương đương tiền	315	389	-19.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.5	15.7	-13.7%
Phải thu ngắn hạn	10,240	10,670	-4.0%
Hàng tồn kho	1,653	2,278	-27.4%
Tài sản ngắn hạn khác	102	97.1	4.6%
Tài sản dài hạn	2,570	1,801	42.7%
Phải thu dài hạn	379	381	-0.5%
Tài sản cố định	643	713	-9.8%
Bất động sản đầu tư	103	9.66	968%
Tài sản dở dang	788	46.5	1594%
Đầu tư tài chính dài hạn	378	335	12.9%
Tài sản dài hạn khác	266	302	-11.8%
Lợi thế thương mại	12.0	13.7	-12.1%
Nợ phải trả	14,743	15,156	-2.7%
Nợ ngắn hạn	13,254	13,703	-3.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,732	3,995	-6.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	4,607	4,801	-4.0%
Nợ dài hạn	1,489	1,453	2.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	758	723	4.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	149	93.4	59.7%
Vốn chủ sở hữu	149	93.4	59.7%
Vốn điều lệ	2,741	2,741	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	1,194	2,268	1,893	2,191	1,651
Giá vốn hàng bán	1,397	1,878	1,853	2,137	1,630
Lợi nhuận gộp	-203	390	39.9	53.5	21.3
Doanh thu HĐTC	2.55	20.9	30.8	20.0	114
Chi phí TC	137	138	145	135	99.8
Chi phí lãi vay	137	138	144	135	98.6
LN trong công ty LKLD	-3.03	0.12	-2.31	-32.5	1.44
Chi phí bán hàng	7.71	6.32	7.93	16.8	6.63
Chi phí QLDN	99.7	528	78.5	-223	-21.1
LN thuần từ HĐKD	-448	-262	-163	112	51.1
Lợi nhuận khác	5.11	0.84	-0.33	-2.53	3.22
LN trước thuế	-443	-261	-163	109	54.3
Lợi nhuận sau thuế	-445	-268	-170	101	56.6
LNST của CĐ cty mẹ	-444	-268	-168	102	57.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	276	319	530	268	211
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	43.1	40.8	-204	34.2	-56.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-604	-298	-83.8	-428	-228
Tiền đầu kỳ	493	208	273	516	389
Lưu chuyển tiền thuần	-285	62.4	242	-125	-73.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	208	273	516	391	315

(Nguồn: fireant.vn)